

Số: 4777 /BTC-TCT

V/v hoàn thiện dự thảo Nghị định
sửa đổi khoản 3 Điều 8 Nghị định
20/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 3061/VPVP-KTTH ngày 17/04/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

1/ Bộ Tài chính đã có văn bản số 3709/BTC-TCT ngày 30/3/2020 và công văn số 3958/BTC-TCT ngày 3/4/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Tại các công văn này, Bộ Tài chính đã báo cáo rõ quan điểm của Bộ Tài chính về quy định hồi tố.

Cháp hành ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại điểm 1 văn bản số 3061/VPCP-KTTH ngày 17/4/2020, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị định, theo đó, Bộ Tài chính đã bổ sung khoản 2 Điều 2, quy định về việc khấu trừ thuế đối với các khoản thuế đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 vào kỳ tính thuế như sau:

“2. Các trường hợp đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) *Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017; năm 2018; năm 2019 để xác định chi phí lãi vay, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng (nếu có) theo quy định tại Nghị định này và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất trước ngày 01 tháng 01 năm 2021. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

Trường hợp sau khi khai bổ sung, số thuế thu nhập doanh nghiệp giảm thì sẽ được giảm số tiền chậm nộp tương ứng (nếu có).

b) *Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp phải nộp do khai bổ sung thì được khấu trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 không đủ thì được khấu trừ vào các năm tiếp theo.*

c) *Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý theo*

quy định của Luật quản lý thuế, người nộp thuế đề nghị cơ quan thuế điều chỉnh số thuế phải nộp, căn cứ vào đề nghị của người nộp thuế, cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp và thực hiện khấu trừ theo quy định tại điểm b khoản này. Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc đang giải quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.”.

2/ Về việc bù trừ (khấu trừ) với nghĩa vụ thuế của các kỳ tính thuế tiếp theo nhưng tối đa không quá 5 năm, Bộ Tài chính xin báo cáo thêm như sau:

Như Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 3709/BTC-TCT ngày 30/3/2020, theo quy định của Luật Quản lý thuế, trường hợp này không phải là tiền thuế nộp thừa, đây là thay đổi về chính sách chưa có trong tiền lệ. Vì vậy, đối với số thuế đã nộp trong các năm 2017, 2018, 2019 mà lớn hơn số thuế phải nộp thì ngân sách nhà nước phải bố trí kinh phí để hoàn trả; do ngân sách năm 2020 không bố trí nguồn kinh phí này nên việc khấu trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo cần được quy định rõ trong Nghị định để có căn cứ pháp lý thực hiện (*nhiều dự thảo nêu trên*).

Mặt khác, đây là thuế thu nhập doanh nghiệp, vì vậy phải được khấu trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 không đủ để khấu trừ, sẽ được khấu trừ vào kỳ tính thuế tiếp theo.

Do chưa có số liệu cụ thể về số phải khấu trừ cũng như số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 cũng như những năm tiếp theo của từng người nộp thuế, vì vậy, không có cơ sở chắc chắn để khấu trừ hết trong 5 năm. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ cho phép nguyên tắc chung là khấu trừ vào kỳ tính thuế tiếp theo.

Trên đây là báo cáo của Bộ Tài chính, theo đó, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định và ký tắt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Noi nhận: ✓

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- TCT, Vụ CST, Vụ PC;
- Lưu VT, TCT (TTKT).



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như sau:

“3. Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

a) Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

b) Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được

trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá năm (05) năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

c) Quy định tại điểm a khoản này không áp dụng với các khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm theo Luật kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các doanh nghiệp vay lại; các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công nhân, sinh viên và dự án phúc lợi công cộng khác).

d) Người nộp thuế kê khai tỷ lệ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019.

2. Các trường hợp thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017; năm 2018; năm 2019 để xác định chi phí lãi vay, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng (nếu có) theo quy định tại Nghị định này và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất trước ngày 01 tháng 01 năm 2021. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp sau khi khai bổ sung, số thuế thu nhập doanh nghiệp giảm thì sẽ được giảm số tiền chậm nộp tương ứng (nếu có).

b) Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp phải nộp do khai bổ sung thì được khấu trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 không đủ thì được khấu trừ vào các năm tiếp theo.

c) Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế, người nộp thuế đề nghị cơ quan thuế điều chỉnh số thuế phải nộp, căn cứ vào đề nghị của người nộp thuế, cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp và thực hiện khấu trừ theo quy định tại điểm b khoản này. Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc đang giải

quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.

3. Mẫu số 01 Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này thay thế Mẫu số 01 Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTTH (3b).KN

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết như sau:

“3. Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:

a) Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ.

b) Phần chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo để khi xác định tổng chi

phí lãi vay được trừ trong trường hợp **tổng** chi phí lãi vay phát sinh **được trừ** của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá năm (05) năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

c) Quy định tại điểm a khoản này không áp dụng với các khoản vay của người nộp thuế là tổ chức tín dụng theo Luật các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh bảo hiểm theo Luật kinh doanh bảo hiểm; các khoản vay vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi của Chính phủ thực hiện theo phương thức Chính phủ đi vay nước ngoài cho các doanh nghiệp vay lại; các khoản vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); các khoản vay đầu tư chương trình, dự án thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của Nhà nước (nhà ở tái định cư, nhà ở công nhân, sinh viên và dự án phúc lợi công cộng khác).

d) Người nộp thuế kê khai tỷ lệ chi phí lãi vay trong kỳ tính thuế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành-Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 (năm tài chính 2019).

2. Các trường hợp thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Người nộp thuế được khai bô sung hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017; năm 2018; năm 2019 để xác định chi phí lãi vay, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng (nếu có) theo quy định tại Nghị định này và nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất trước ngày 01 tháng 01 năm 2021. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp sau khi khai bô sung, số thuế thu nhập doanh nghiệp giảm thì sẽ được giảm số tiền chậm nộp tương ứng (nếu có).

b) Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp đã nộp ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp phải nộp do khai bô sung thì được khấu trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 không đủ thì được khấu trừ vào các năm tiếp theo.

c) Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế, người nộp thuế đề nghị cơ quan thuế điều chỉnh số thuế phải nộp, căn cứ vào đề nghị của người nộp thuế, cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp và thực hiện khấu trừ theo quy định tại điểm b khoản này. Trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc đang giải quyết theo trình tự khiếu nại thì không điều chỉnh lại số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế.

23. Mẫu số 01 Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này thay thế Mẫu số 01 Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).kN

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục
*(kèm theo Nghị định số/2020/NĐ-CP
ngày tháng năm 2020 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết
-----------	---

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Tên người nộp thuế
[02] Mã số thuế:

ANSWER

[03] Das Auto

[04] Quận/huyện: [05] tỉnh/thành phố:

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] Email:

[09] Tân đại lý thuế (phiên cũ): [09] 財政司人。

[REDACTED]

[10] Mã số thuế:

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết ¹
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			A B C D Đ E G H I K	
1				
2				
3				
...				

¹ Người nộp thuế đánh dấu “x” vào cột hình thức quan hệ liên kết khi khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ. Trường hợp bên liên kết thuộc nhiều hơn một hình thức quan hệ liên kết, người nộp thuế đánh dấu “x” vào các ô tương ứng.

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Số thứ tự	Trường hợp miễn trừ:	Thuộc diện miễn trừ ²
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo mục III và IV dưới đây	
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	
	- Gia công: Từ 15% trở lên	

² Người nộp thuế đánh dấu “x” vào dòng trường hợp miễn trừ áp dụng tương ứng.

MỤC III. THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số tự	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết			Giá trị mua vào cho bên liên kết			Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh phát xác định giá	Chênh phát xác định giá	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường	Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA ⁴
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định theo giá giao dịch độc lập						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)- (3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)-(9)	(12)	(13)
I	Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh											
II	Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động liên kết											
1	Hàng hoá											
1.1	Hàng hoá hình thành tài sản cố định											
a	Bên liên kết A											
b	Bên liên kết B											
	...											
1.2	Hàng hoá không hình thành tài sản cố định											
a	Bên liên kết A											
b	Bên liên kết B											

³ Giá trị phân bổ cho cơ sở thương trú cần kê khai và chú thích rõ là phân bổ doanh thu hay chi phí cho cơ sở thương trú.

⁴ Người nộp thuế kê khai "x" đối với giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA và "không" đối với giao dịch không thuộc phạm vi áp dụng APA.

Số thứ tự	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết			Giá trị mua vào cho bên liên kết			Lợi nhuận tang do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi phân bổ cơ sở thường	Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA ⁴
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lai theo chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định theo giá giao dịch	Chênh lệch			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)
...
2	Dịch vụ									
<i>2.1</i>	<i>Nghiên cứu, phát triển</i>									
a	Bên liên kết A									
b	Bên liên kết B									
...	...									
<i>2.2</i>	<i>Quảng cáo, tiếp thị</i>									
a	Bên liên kết A									
b	Bên liên kết B									
...	...									
<i>2.3</i>	<i>Quản lý kinh doanh và tư vấn, đào tạo</i>									
a	Bên liên kết A									
b	Bên liên kết B									
...	...									
<i>2.4</i>	<i>Hoạt động tài chính</i>									
2.4.1	Phi bản quyền và các khoản tương ứng									
A	Bên liên kết A									

Số thứ tự	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết			Giá trị mua vào cho bên liên kết			Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường	Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA ⁴		
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định theo giá giao dịch	Chênh lệch					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)- (3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12)	(13)
B	Bên liên kết B											
	...											
2.4.2	<i>Lãi vay</i>											
A	Bên liên kết A											
B	Bên liên kết B											
	...											
2.5	<i>Dịch vụ khác</i>											
A	Bên liên kết A											
B	Bên liên kết B											
	...											

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

i. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)			Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Số thứ tự	Chi tiêu	Giá trị giao dịch liên kết	Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu			
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3)=(1)-(2)			
4	Giá vốn hàng bán			
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5)=(3)-(4)			
6	Chi phí bán hàng			
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp			
8	Doanh thu hoạt động tài chính			
8.1	Trong đó: - Lãi tiền gửi và lãi cho vay			
9	Chi phí tài chính			
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi vay			
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ			
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)-(8)-(9)			
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm			

	chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)			
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+(10)			
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=(9.1)-(8.1)/(13)			
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang			
15a	Trong đó: - Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm (n-1) chuyển sang kỳ tính thuế (n)			
15b	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) chuyển sang từ năm (n-2) chuyển sang kỳ tính thuế (n)			
15c	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) chuyển sang từ năm (n-3) chuyển sang kỳ tính thuế (n)			
15d	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) chuyển sang từ năm (n-4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)			
15d'	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) chuyển sang từ năm (n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)			
15e	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) của các kỳ trước còn chuyển sang kỳ sau (n+1)			
16	Tỷ lệ chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (16)=(9.1)-(8.1)+(15a)+(15b)+(15c)+(16d)+(15d))/(13)			
17	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết			
a	- Tỷ suất			
b	- Tỷ suất			
c	-			

2. Dành cho người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

Số thứ tự	Chi tiêu	Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam			
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA	Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự				
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự				
3	Thu nhập lãi thuần				
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ				
5	Chi phí hoạt động dịch vụ				
6	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ				
7	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối				
8	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh				
9	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư				
10	Thu nhập từ hoạt động khác				
11	Chi phí hoạt động khác				
12	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác				
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần				
14	Chi phí hoạt động				
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng				
16	Tổng lợi nhuận trước thuế				
17	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (17=16-12)				
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết				
a	Tỷ suất				
b	Tỷ suất				
c				

3. Dành cho người nộp thuế là các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam				
Số thứ tự	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh.			
a	Thu phí dịch vụ môi giới chứng khoán			
b	Thu phí quản lý danh mục đầu tư			
c	Thu phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành			
d	Thu phí vay tài chính và đầu tư chứng khoán			
d	Thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các khoản tiền thường cho công ty quản lý quỹ			
e	Thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ			
g	Phí thu lao hối đồng quản trị nhận được do tham gia hội đồng quản trị của các công ty khác			
h	Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ			
hI	<i>Trong đó: - Doanh thu từ lãi suất: Bao gồm: tiền lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi</i>			
i	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh			
ii	<i>Trong đó: - Doanh thu lãi cho vay ký quỹ và tăng trước tiền bán chứng khoán, lãi bán chứng khoán trả chậm</i>			
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh.			
a	Chi nộp phí thành viên trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với công ty là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán)			

b	Chi phí lưu ký chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán
c	Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán (đối với công ty phát hành chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán)
d	Chi phí liên quan đến việc quản lý quỹ đầu tư, danh mục đầu tư
d	Chi phí huy động vốn cho quỹ đầu tư
e	Chi trả lãi tiền vay
g	Chi phí thuê lao cho hợp đồng quản trị
h	Chi nộp thuế, phí, lệ phí phải nộp có liên quan đến hoạt động kinh doanh
i	Chi hoạt động quản lý và công vụ, chi phí cho nhân viên
k	Chi khấu hao tài sản cố định, chi khác về tài sản
k1	Chi khấu hao tài sản cố định
k2	Chi khác về tài sản
l	Trích dự phòng giảm giá chứng khoán tự doanh
m	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh.
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh.
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh không bao gồm chênh lệch của doanh thu từ lãi suất, doanh thu lãi cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán, lãi bán chứng khoán trả chậm và chi trả lãi tiền vay.
10	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ $(10)=(8)+(2e)-(1h)-(1i)+(2k1)$
11	Tỷ lệ chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ $(12)=((2e)-(1h)-(1i))(10)$
12	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang.
12	$(12)=(12a)+(12b)+(12c)+(12d)+(12d)$
<i>Trong đó:</i>	
12a	- Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm $(n-1)$ chuyển sang kỳ tính thuế (n)

<i>12b</i>	- <i>Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm (n-2) chuyển sang kỳ tính thuế (n)</i>			
<i>12c</i>	- <i>Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm (n-3) chuyển sang kỳ tính thuế (n)</i>			
<i>12d</i>	- <i>Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm (n-4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)</i>			
<i>12d'</i>	- <i>Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) từ năm (n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)</i>			
<i>12e</i>	- <i>Chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) của các kỳ trước còn chuyển sang kỳ sau</i>			
<i>13</i>	Tỷ lệ chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh được trừ trong kỳ cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang kỳ tính thuế (n) trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế $(13) = ((2e)-(1h1)-(1h1)+(12))/(10)$			
<i>14</i>	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết			
<i>a</i>	Tỷ suất			
<i>b</i>	Tỷ suất			
<i>c</i>			

Ghi chú:

- *Chi tiêu (1.h1) là Doanh thu từ lãi suất: Bao gồm: tiền lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngắn hạn, lãi chứng chỉ tiền gửi được nêu tại điểm h1 mục 1 bảng này.*
- *Chi tiêu (1.i1) là Doanh thu lãi cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán, lãi bán chứng khoán trả chậm được nêu tại điểm i1 mục 1 bảng này.*
- *Chi tiêu (2.e) là chi phí lãi vay được nêu tại điểm e mục 2 bảng bảng này.*
- *Chi tiêu (2.k1) là Chi khấu hao tài sản cố định nêu tại kiểm k1 mục 2 bảng này.*
- *Năm n là năm hiện tại của kỳ kế khai.*
- *Các chi tiêu thực hiện tính toán theo đúng công thức ghi tại tiêng chi tiêu, không được quy đổi giá trị bằng không (0).*

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020
của Chính phủ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU YÊU CẦU YÊU CẦU CƠ QUAN THUẾ ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ
THANH TRA (KIỂM TRA)**

Kính gửi: Cơ quan thuế

[01] Tên người nộp thuế

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Loại thuế, số tiền thuế và số tiền chậm nộp đề nghị điều chỉnh do loại trừ chi phí lãi vay theo quy định Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP tại kết luận thanh tra (kiểm tra) số ngày, quyết định xử lý số ngày của (cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

a) Loại thuế:

b) Số tiền thuế:

c) Số tiền chậm nộp:

Đề nghị cơ quan thuế điều chỉnh lại nghĩa vụ thuế và số tiền chậm nộp cho (tên người nộp thuế)./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày...tháng ... năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)